

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Vân

Ông Giang Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 10/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoài N;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2/135 đường ĐĐ, phường ĐH, quận LC, Hải Phòng; nơi ở: Số 58/81 đường ĐK, tổ dân phố số 14, phường ĐH, quận HA, Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Chị Đinh Thị Mai H;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2/135 đường ĐĐ, phường ĐH, quận LC, Hải Phòng; nơi ở: Số 51/680 đường NGT, tổ dân phố số 16, phường TT, quận HA, Hải Phòng; vắng mặt.

N DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh Nguyễn Hoài N trình bày:

Anh và chị Đinh Thị Mai H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình vào năm 1998. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hải, quận Lê Chân, Hải Phòng vào ngày 09/7/1998.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống H phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, suy nghĩ cũng như tính cách. Hai anh chị không còn dành tình cảm cho nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù sống chung nhà nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra cãi nhau và có nhiều lời lẽ xúc phạm, mạt sát đối với nhau. Thời gian khoảng 1 năm trở lại đây, hai vợ chồng chính thức sống ly thân. Anh N và chị H đã thống nhất ly hôn nếu không thể tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, khi anh N nộp đơn thuận tình ly hôn đến Tòa án, chị H không đồng ý, sau đó anh N đã rút đơn về.

Bản thân anh N nhận thấy nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, cả hai đều không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân như hiện tại nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Đinh Thị Mai H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung Nguyễn Mạnh TH, sinh ngày 31/5/1999 và Nguyễn Thành V, sinh ngày 16/4/2007.

Ly hôn, anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Thành V. Nếu cháu V có nguyện vọng ở với mẹ, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng số tiền 5 triệu đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Con chung Nguyễn Mạnh TH đến nay đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh N, bị đơn là chị Đinh Thị Mai H có quan điểm:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như anh N trình bày là đúng. Bản thân chị H thừa nhận cuộc sống vợ chồng chỉ H phúc trong khoảng thời gian 10 năm đầu sau khi kết hôn, gần 10 năm trở lại đây, cuộc sống hôn nhân của anh chị có nhiều mâu thuẫn, rạn nứt. Nguyên nhân xuất phát từ sự thiếu quan tâm, chăm sóc đến gia đình, vợ con của anh N. Một phần do công việc, một phần do sở thích ham mê cá nhân, anh N đi tối ngày không dành thời gian cho gia đình. Hai anh chị không có sự quan tâm, sẻ chia khiến cuộc sống hôn nhân ngày càng xa cách. Mặc dù sống chung nhà nhưng hai anh chị đã sống ly thân được một năm nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Lý do chị H đưa ra không đồng ý ly hôn vì chị muốn cả hai con chị có đầy đủ gia

đình, cả bố cả mẹ; mặt khác do vợ chồng chưa thống nhất được vấn đề tài sản. Mặc dù không H phúc nhưng chị chấp nhận duy trì cuộc sống hôn nhân như hiện nay.

- Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có hai con chung như anh N trình bày là đúng. Cháu Nguyễn Mạnh TH hiện đã trên 18 tuổi; cháu Nguyễn Thành V hiện đang ở với chị. Chị tôn trọng quyết định của cháu V về việc muốn ở với ai khi bố mẹ ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng, ý kiến của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H đề nghị anh N cấp dưỡng theo khả năng tài chính của mình, hai bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Chị H đề nghị được tự thỏa thuận. Trường hợp vợ chồng không thống nhất thỏa thuận, chị H sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, đúng quy định của pháp luật. Về N dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Yêu cầu về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của anh Nguyễn Hoài N là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Đinh Thị Mai H hiện đang cư trú tại số 51/618 NGT, tổ dân phố số 16, phường TT, quận HA, Hải Phòng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Chị Đinh Thị Mai H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do cần thêm thời gian để vợ chồng thỏa thuận về vấn đề tài sản. Xét thấy sự vắng mặt của chị H tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng cũng như trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Việc kết hôn giữa anh Nguyễn Hoài N và chị Đinh Thị Mai H tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Theo bản thân anh chị xác nhận, nhiều năm nay cuộc sống hôn nhân của anh chị không có H phúc, cả hai không còn thực sự quan tâm, chia sẻ cũng như dành tình cảm cho nhau. Mâu thuẫn trầm trọng khoảng một năm trở lại đây, anh chị cũng đã chính thức sống ly thân từ thời gian trên, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt.

Về phía chị H mặc dù không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân nhiều mâu thuẫn, không H phúc nhưng vì muốn duy trì một gia đình đầy đủ cho hai con nên chị không đồng ý ly hôn. Mặt khác, hai anh chị chưa thống nhất thỏa thuận về tài sản do đó, chị H không đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh N. Chị H đưa ra lý do hiện đang điều trị bệnh hiểm nghèo nên cần có người quan tâm, chăm sóc tuy nhiên suốt quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Tòa án đã hướng dẫn yêu cầu chị cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng chị H không cung cấp được.

Tòa án tạo điều kiện về thời gian để anh chị có thể hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Suốt một thời gian dài, cả hai đều không còn chung mục đích hôn nhân, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Lý do chị H đưa ra không thể hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng mà chỉ kéo dài thêm cuộc sống hôn nhân rạn nứt, đầy mâu thuẫn, khiến cả hai thêm mệt mỏi.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của anh N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Hiện tại con chung Nguyễn Thành V, sinh ngày 16/4/2007 đang sống cùng chị H, cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ khi anh chị ly hôn.

Do điều kiện công việc, anh N thường đi làm không có nhiều thời gian để chăm sóc cháu trong sinh hoạt cũng như học tập. Do đó, xét thấy cần thiết giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt, tránh làm xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu. Đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V nên cần được chấp nhận.

Con chung Nguyễn Mạnh TH, sinh ngày 31/5/1999 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N đề nghị được cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho cháu V là 5 triệu đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về phía chị H đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng của anh N. Mức

cấp dưỡng như trên phù hợp với điều kiện, thu nhập của anh N, đủ đảm bảo cho cuộc sống hiện tại của cháu V nên cần được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoài N được ly hôn với chị Đinh Thị Mai H.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thành V, sinh ngày 16/4/2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Con chung Nguyễn Mạnh TH, sinh ngày 31/5/1999 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 5 triệu đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

Anh Nguyễn Hoài N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 3000.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

Anh N đã nộp tạm ứng án phí 3000.000 đồng theo Biên lai thu số 0016432 ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An; anh N còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo:

Anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải, Lê Chân, HP;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh

